M i đây, B GDĐT đã có d th o v c ch t ch giáo d c đ i h c đ i v i các tr ng công l p trình Chính ph .

Theo d th o này, c ch t ch s áp d ng v i t t c các c s giáo d c ĐH công l p (tr các tr ng ĐH xu t s c và h th ng tr ng chính tr).

D ki n s có các m c h c phí khác nhau tùy t ng lo i hình t ch tài chính. Trong đó, lo i tr ng t đ m b o chi th ng xuyên và chi đ u t , tr ng có quy n quy t đ nh m c thu h c phí theo nguyên t c bù đ p chi phí và có tích lũy h p lý.

Điều 5. Học phí đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp

1. Mức trần học phí đối với các chương trình đào tạo đại trà trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư áp dụng theo các khối ngành, chuyên ngành đào tạo từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021 (kể cả các cơ sở giáo dục đại học được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thực hiện thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động) như sau:

Đơn vị: 1.000 đồng/tháng/sinh viên

Khối ngành, chuyên ngành đào tạo	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2017-2018	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
1. Khoa học xã hội, kinh tế, luật, nông, lâm, thủy sản	1.750	1.850	2.050
2. Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	2.050	2.200	2.400
3. Y dược	4.400	4.600	5.050

2. Mức trần học phí đối với các chương trình đào tạo đại trà trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư áp dụng theo các khối ngành, chuyên ngành đào tạo từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021 như sau:

Khối ngành, chuyên ngành đào tạo	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
1. Khoa học xã hội, kinh tế, luật, nông, lâm, thủy sản	610	670	740	810	890	980
2. Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	720	790	870	960	1.060	1.170
3. Y dược	880	970	1.070	1.180	1.300	1.430

Trích NĐ 86/2015/NĐ-CP v m c tăng h c phí đ i v i tr ng t ch toàn di n và tr ng ch a t ch .

Đ c bi t, đ i v i lo i tr ng t đ m b o chi th ng xuyên s ph i áp d ng m c đóng h c phú m i đ phù h p v i đ án th c hi n thí đi m đ i m i c ch ho t đ ng.

M c h c phí c th áp d ng vào năm h c 2020-2021 s là 2,05 - 5,05 tri u đ ng/sinh viên/tháng. Áp d ng theo tùy t ng nhóm ngành đào t o khác nhau.

N u so v i m c h c phí khi ch a áp d ng d th o trên c a B GDĐT, các tr ng đ i h c đã t ch tài chính s ph i đóng cao g p 2 đ n 3,5 l n so v i hi n nay (m c 980.000 – 1,43 tri u đ ng/sinh viên/tháng).

Còn so v i h c phí tr ng đ i h c công l p ch a t ch hi n nay 7,4-10,7 tri u đ ng/ năm h c 2017–2018 thì m c h c phí trên s tăng g p 2,8 đ n 4,7 l n.

V i tr ng đ c t quy t đ nh m c thu đ bù đ p hoàn toàn các kho n chi th ng xuyên và chi đ u t , h c phí có th còn cao h n n a.

Đ i v i d th o m i này, nhi u ý ki n cho r ng đây s là gi i pháp t t nh t đ nâng cao ch t l ng đào t o.

“Vi c t ch là t t y u, là thu c tính c a ĐH. T ch không ch có tăng h c phí, mà còn t ch v m t h c thu t, v b máy, ch t l ng. Tuy nhiên, mu n nâng cao ch t l ng, tr ng ĐH ph i có ti n đ đ u t , nên tăng h c phí là t t y u. Nh ng rõ ràng, ng i h c không đóng thì Nhà n c ph i h tr , Nhà n c không chi thì ng i h c ph i đóng. Không thì nhà tr ng l y đâu kinh phí đ đ u t cho ch t l ng giáo d c, trang thi t b , tr l ng cho gi ng viên...” – PGS.TS Tr n Văn T p, Phó Hi u tr ng ĐH Bách Khoa Hà N i, bày t quan đi m.

Tuy nhiên, câu h i đ t ra: T ch đ ng nghĩa v i vi c tăng h c phí, nh ngli u có t l thu n v i tăng ch t l ng giáo d c và gi m đ c tình tr ng c nhân th t nghi p?

Trong khi, vi c tăng h c phí ch c ch n s là m t gánh n ng v i sinh viên nghèo.

Link ngu n:
https://laodong.vn/giao-duc/hoc-phi-dai-hoc-cong-lap-se-tang-len-50-trieu-dongnam-571744.ldo

Đ NG CHUNG